

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/DS-ST

Ngày: 01/3/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT, TỈNH TN**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Ngọc Trâm

2. Bà Võ Thị Trâm

- *Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân* – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT.

- *Đại viện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Sĩ* – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2016/TLST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2016, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/QĐST-DS, ngày 12/02/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn: Công an tỉnh TN;*

Địa chỉ trụ sở: Số 312, CMT8, Khu phố 2, Phường 3, thành phố TN, tỉnh TN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NTP; Chức vụ: Giám đốc Công an tỉnh TN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông TTB; Chức vụ: Trưởng Phòng Hậu cần – Kỹ thuật, Công an tỉnh TN (theo giấy ủy quyền ngày 12/8/2016) có mặt;

* *Bị đơn: Ông TĐL* – Giám đốc doanh nghiệp tư nhân LĐN (vắng mặt);

Trú tại địa chỉ: Số 34/1C, Khu phố 4, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của Công an tỉnh TN – ông TTB trình bày:

Vào ngày 21/7/2008, Công an tỉnh TN do ông Phạm Văn Tàn – Trưởng Phòng Hậu cần – Kỹ thuật làm đại diện ký hợp đồng số 045/HĐTXD/2008, mua 80 tấn sắt xây dựng với giá là 20.700 đồng/kg với doanh nghiệp tư nhân LĐN do ông TĐL - Giám đốc. Nội dung hợp đồng ghi: “*Khi giao xong hàng thì Doanh nghiệp tư nhân LĐN mới hết trách nhiệm đối với hợp đồng*”. Ngày 21/7/2008, sau khi ký hợp đồng

thì Phòng Hậu cần – Kỹ thuật Công an tỉnh TN đã thanh toán đủ số tiền 1.656.000.000 đồng cho Doanh nghiệp tư nhân LĐN bằng hình thức chuyển vào tài khoản (theo ủy nhiệm chi số 01, ngày 21/7/2008), khi công trình Công an tỉnh cần sử dụng thì Phòng Hậu cần – Kỹ thuật trực tiếp liên hệ với doanh nghiệp về số lượng thì doanh nghiệp sẽ chuyển đến công trình để sử dụng. Đại diện nhận là cán bộ Phòng Hậu cần – Kỹ thuật hoặc đại diện đơn vị thi công ký vào phiếu giao hàng.

Quá trình giao sắt chưa có đối chiếu bằng văn bản số lượng sắt giao nhận hai bên. Năm 2015, Công an tỉnh TN có kiểm tra quá trình sử dụng 80 tấn sắt mua tại doanh nghiệp xác định từ khi ký hợp đồng cho đến ngày 17/7/2009 doanh nghiệp mới giao cho Công an tỉnh số lượng 65.330,12 kg sắt, còn lại 14.669,88 kg sắt (thể hiện qua 29 biên nhận mà Phòng Hậu cần – Kỹ thuật còn đang lưu giữ).

Nay Công an tỉnh TN đề nghị Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN buộc ông TĐL – Giám đốc doanh nghiệp tư nhân LĐN có nghĩa vụ trả lại 14.669,88 kg sắt chưa giao đủ, giá tại thời điểm giải quyết là 12.800 đồng/kg thành tiền là 187.774.464 đồng.

Bị đơn – ông TĐL đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT:

Về tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi vào nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định pháp luật Tố tụng Dân sự. Về người tham gia tố tụng ông Bình có mặt, ông L vắng mặt.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản của Công an tỉnh TN đối với ông TĐL – Giám đốc doanh nghiệp tư nhân LĐN có nghĩa vụ trả cho Công an tỉnh TN số tiền 187.774.464 đồng.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho ông TĐL nhiều lần để hoà giải và xét xử nhưng ông L không tham gia hoà giải cũng như không tham dự phiên tòa. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[1] Ngày 24/5/2016 Công an tỉnh TN có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN giải quyết vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HT theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Ngày 21/7/2008, Công an tỉnh TN ký hợp đồng số 045/HĐTXD/2008, mua 80 tấn sắt xây dựng của Doanh nghiệp tư nhân LĐN do ông TĐL – Giám đốc. Sau khi ký hợp đồng thì Phòng Hậu cần – Kỹ thuật đã thanh toán đủ số tiền 1.656.000.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm năm mươi sáu triệu đồng) cho Doanh nghiệp

tư nhân LĐN bằng hình thức chuyển vào tài khoản (theo ủy nhiệm chi số 01, ngày 21/7/2008).

[3] Quá trình giao nhận sắt chưa đối chiếu bằng văn bản, số lượng sắt giao nhận giữa hai bên. Năm 2015, Công an tỉnh TN có kiểm tra quá trình sử dụng 80 tấn sắt mua tại doanh nghiệp xác định từ khi ký hợp đồng cho đến ngày 17/7/2009 doanh nghiệp mới giao cho Công an tỉnh TN 65.330,12 kg sắt, Công an tỉnh TN đã nộp 29 phiếu nhận hàng, còn lại 14.669,88 kg sắt chưa giao. Ông L đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng ông L vắng mặt không tham gia phiên hòa giải cũng như không tham dự phiên tòa là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Từ lời trình bày, các chứng cứ 29 biên bản giao nhận sắt do Công an tỉnh TN cung cấp có cơ sở xác định ông TĐL chỉ giao cho Công an tỉnh TN được số lượng sắt là 65.330,12 kg, còn lại 14.669,88 kg sắt chưa giao, (giá thị trường tại thời điểm xét xử loại sắt Nhật giá 15.100 đồng/kg, sắt Việt Nam giá 13.500 đồng/kg), giá theo hợp đồng là 20.700 đồng/kg nhưng Công an tỉnh TN chỉ yêu cầu với giá 12.800 đồng/kg, thấp hơn giá thị trường tại thời điểm xét xử. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công an tỉnh TN. Buộc ông TĐL – Giám đốc doanh nghiệp Tư nhân LĐN có nghĩa vụ trả cho Công an tỉnh TN 14.669,88 kg sắt x 12.800 đồng/kg = 187.774.464 đồng.

[4] Về án phí: Ông TĐL phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Áp dụng Pháp lệnh số: 10/2009/PL - UBTVQH10 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” của Công an tỉnh TN đối với ông TĐL – Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Lãng Đắc Nhẫn.

Buộc ông TĐL có nghĩa vụ trả cho Công an tỉnh TN số tiền 187.774.464 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi bốn ngàn, bốn trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ khi Công an tỉnh TN có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông TĐL không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông L còn phải trả cho Công an tỉnh TN số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Ông TĐL phải chịu 9.388.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công an tỉnh TN 4.694.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002989, ngày 18/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho Công an tỉnh TN biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông TĐL được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H. HT;
- THADS H. HT;
- Lưu: Tập án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

VÕ THÀNH DIỆP

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc.....giờ.....ngày 01 tháng 3 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thành Diệp**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Ngọc Trâm

2. Bà Võ Thị Trâm

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 199/2016/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Công an tỉnh TN;*

Địa chỉ trụ sở: Số 312, CMT8, khu phố 2, Phường 3, thành phố TN, tỉnh TN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Tri Phương**; Chức vụ: Giám đốc Công an tỉnh TN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trương Thanh Bình**; Chức vụ: Trưởng Phòng Hậu cần – Kỹ thuật, Công an tỉnh TN (theo giấy ủy quyền ngày 12/8/2016) có mặt;

** Bị đơn: Ông TĐL – Giám đốc doanh nghiệp tư nhân LĐN (vắng mặt);*

Địa chỉ trụ sở: Số 34/1C, khu phố 4, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh TN.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Lê Ngọc Trâm:

Căn cứ vào Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Áp dụng Pháp lệnh số: 10/2009/PL - UBTVQH10 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” của Công an tỉnh TN đối với ông TĐL – Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Lãng Đắc Nhẫn.

Buộc ông TĐL có nghĩa vụ trả cho Công an tỉnh TN số tiền 187.774.464 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi bốn ngàn, bốn trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ khi Công an tỉnh TN có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông TĐL không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông L còn phải trả cho Công an tỉnh TN số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Ông TĐL Đắc phải chịu 9.388.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công an tỉnh TN 4.694.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002989, ngày 18/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Võ Thị Trâm: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân Lê Ngọc Trâm.

Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Thống nhất theo ý kiến của Hội thẩm nhân dân Lê Ngọc Trâm.

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100%.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 01 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

